

Bản án số: 12/2024/KDTM-ST
Ngày 02-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đông

2. Bà Nguyễn Thị Nữ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH A (Việt Nam); địa chỉ trụ sở: Số C VSIP II đường số F, khu công nghiệp V - S, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương Q, sinh năm 1999; địa chỉ: Số C, Khu C, Tổ C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH A (Việt Nam) (theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2023), có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần X; địa chỉ trụ sở: Số B đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Blook A, số C M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn N - chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần X, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần X (theo văn bản ủy quyền ngày 01/01/2024 - nộp tại Tòa án ngày 02/7/2024), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương Q trình bày:

Ngày 11/04/2023, giữa Công ty TNHH A (Việt Nam) (gọi tắt Công ty A) với Công ty Cổ phần X (gọi tắt Công ty X) có ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc số AKHC-COGICONS-01, nội dung cụ thể như sau:

Công ty TNHH A là bên bán có trách nhiệm cung cấp ván coppha cho Công ty X là bên mua, việc cung cấp sẽ được thực hiện theo từng đơn đặt hàng cụ thể được hai bên thỏa thuận và chấp nhận. Giá của coppha được thực hiện theo sự thỏa thuận của từng đơn hàng và xác nhận của hai bên. Đơn đặt hàng là bản gốc, hoặc fax, email, qua điện thoại. Phương thức và điều kiện thanh toán sau khi xác nhận đơn hàng bên bán sẽ tiến hành giao hàng cho bên mua và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Bên mua tiến hành thanh toán 100% tiền hàng cho bên bán sau khi nhận hàng và xuất hóa đơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã giao hàng đúng và đủ theo đơn đặt hàng ngày 15/04/2023 do Công ty X đặt mua 100 tấm ván ép coppha phủ phim (18 x 1220 x 2440 mm) giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 41.250.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Hóa đơn giá trị gia tăng số 489 đã được phát hành ngày 17/04/2023 và tại biên bản xuất hàng ngày 15/04/2023 nhân viên Công ty X xác nhận đã nhận đủ số lượng hàng hóa trong điều kiện và chất lượng đạt yêu cầu.

Tuy nhiên, Công ty X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Ngày 18/05/2023, tại bảng xác nhận công nợ Công ty X xác nhận còn nợ chúng tôi số tiền mua hàng là 41.250.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) của số hóa đơn giá trị gia tăng 489 ngày 17/04/2023. Công ty A đã nhiều lần đề nghị Công ty X thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty X vẫn không thực hiện nên buộc Công ty A phải khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc 41.250.000đ, tiền lãi tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày 23/05/2024 x 10%/năm (0,83%/tháng) là 4.457.292đ, tổng cộng 45.707.292đ. Ngoài ra, bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

* **Bị đơn Công ty Cổ phần X:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* **Tại phiên tòa:**

+ **Đại diện nguyên đơn:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 41,250,000đ và tiền lãi nguyên đơn xác định lại ngày bắt đầu tính lãi là ngày 03/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (02/7/2024) là 13 tháng, 29 ngày x 0,83%/tháng x 41.250.000đ = 4.781.837đ, tổng cộng 46.031.837đ.

+ **Đại diện bị đơn:** Bị đơn thừa nhận đang nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc 41,250,000đ nhưng bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền này cho nguyên đơn vì trong hợp đồng không thỏa thuận thời hạn thanh toán, trong biên bản đối chiếu công nợ chỉ xác nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, chưa đủ thành phần hồ sơ thanh toán, mục đích đối chiếu công nợ chỉ nhằm cấp hạn mức công nợ cho hợp đồng tiếp theo. Đối với tiền lãi do trong hợp đồng cũng như biên bản đối chiếu công nợ hai bên không thỏa thuận về lãi chậm thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là không đúng nên bị đơn không đồng ý trả.

Ngoài ra, bị đơn chưa được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử là không đúng quy định.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A đối với bị đơn Công ty X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 24/11/2023, Công ty A có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty X phải thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo Hợp đồng nguyên tắc số AKHC-COGICONS-01 ngày 11/4/2023 nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005, quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty X có địa chỉ trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo Hợp đồng nguyên tắc mà hai bên thỏa thuận thì trường hợp xảy ra tranh chấp, vụ việc do Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở để giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc đại diện bị đơn cho rằng Tòa án chưa tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn được tham gia. Tại phiên tòa đại diện bị đơn xác định trụ sở của Công ty X đã chuyển về địa chỉ B, số C M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2023 nhưng chưa thay đổi địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mọi thủ tục giấy tờ Công ty X đều nhận từ bộ phận Lễ Tân của tòa nhà tại địa chỉ này. Đối với địa chỉ cũ tại số B đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, còn thực tế Công ty đóng cửa thỉnh thoảng Công ty mới có nhân viên có mặt để tiếp nhận giấy tờ.

Tuy nhiên, theo như Công văn số 3284/ĐKKD-T6 ngày 15/4/2024 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì địa chỉ trụ sở của Công ty X là 232/17 đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng qua xác minh thực tế tại địa phương thì từ tháng 6/2023 cho đến nay Công ty X không còn hoạt động tại địa chỉ này. Quá trình làm việc, đại diện nguyên đơn cũng cho rằng Công ty X hiện đang hoạt động tại địa chỉ số C M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị Tòa án tiến hành tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ này. Do đó, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ B, số C M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn cũng xác định có nhận được Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, việc bị đơn nhận được Thông báo của Tòa án nhưng không tham gia là được coi từ bỏ quyền của

mình. Do đó, đại diện bị đơn cho rằng Tòa án chưa tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không có căn cứ.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hợp đồng mà hai bên đã ký kết: Ngày 11/4/2023, giữa Công ty A với Công ty X ký kết Hợp đồng nguyên tắc số AKHC-COGICONS-01, theo đó Công ty A bán cho Công ty X ván coppha.

Như vậy, Hợp đồng nguyên tắc mà hai bên ký kết được lập thành văn bản, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và tuân thủ đúng quy định tại Điều 116, 119, 430 của Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 24, Điều 25 của Luật thương mại nên phát sinh hiệu lực.

[2.2]. Về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu:

[2.2.1]. Về số tiền nợ gốc: Ngày 11/4/2023, Công ty A với Công ty X ký kết Hợp đồng nguyên tắc số AKHC-COGICONS-01, theo đó Công ty A bán cho Công ty X ván coppha.

Phía nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn theo thỏa thuận. Sau đó hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận số tiền bị đơn đang nợ của nguyên đơn số tiền 41.250.000đ. Tại phiên tòa đại diện bị đơn xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 41.250.000đ nhưng bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền này cho nguyên đơn vì trong hợp đồng không thỏa thuận thời hạn thanh toán, trong biên bản đối chiếu công nợ chỉ xác nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, chưa đủ thành phần hồ sơ thanh toán, mục đích đối chiếu công nợ chỉ nhằm cấp hạn mức công nợ cho hợp đồng tiếp theo.

Xét thấy: Theo như hợp đồng nguyên tắc mà hai bên đã thỏa thuận thì thời gian thanh toán: Thanh toán 100% giá trị đơn tiền hàng cho bên bán sau khi nhận hàng và hóa đơn.

Ngày 15/04/2023, phía bị đơn đã đặt hàng để mua hàng của nguyên đơn và phía nguyên đơn đã giao hàng đúng như thỏa thuận. Ngày 14/7/2023, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 41.250.000đ. Trong khi theo thỏa thuận của hợp đồng thời gian thanh toán ngay sau khi nhận hàng và hóa đơn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Đại diện bị đơn cho rằng hai bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán là không đúng.

Như vậy, số tiền nợ gốc 41.250.000đ đến nay bị đơn chưa thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 41.250.000đ theo Hợp đồng nguyên tắc số AKHC-COGICONS-01 ngày 11/4/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.1]. Về lãi suất chậm thanh toán: Theo như Hợp đồng nguyên tắc số Hợp đồng nguyên tắc số AKHC-COGICONS-01 ngày 11/4/2023 hai bên không thỏa thuận nhưng do bị đơn đã không thanh toán tiền nợ gốc cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả tính từ ngày 03/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (02/7/2024) là 13 tháng 29 ngày x 0,83%/tháng x 41.250.000đ = 4.781.837đ.

Xét thấy: Mặc dù trong hợp đồng hai bên ký kết không thỏa thuận về tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh*

toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP N1; Ngân hàng N2; Ngân hàng TMCP C) thì mức lãi suất là 15,1%/năm, tương đương 1,25%/tháng, tương đương 0,04%/ ngày.

Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất 0,83%/tháng thấp lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, tiền lãi chậm trả với mức lãi 0,83%/tháng tính từ ngày vi phạm ngày 03/5/2023 đến ngày 02/7/2024 là 13 tháng 29 ngày x 41.250.000đ = 4.781.837đ.

[2.4]. Như vậy tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 41.250.000đ + 4.781.837đ = 46.031.837đ.

[3]. Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A đối với bị đơn Công ty X về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5]. Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 351, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; khoản 1 Điều 55; Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A (Việt Nam) về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty Cổ phần X.

Công ty Cổ phần X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A (Việt Nam) số tiền nợ gốc 41.250.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi 4.781.837đ (Bốn triệu bảy trăm tám mươi một nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng), tổng cộng 46.031.837đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần X phải chịu số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả lại cho Công ty TNHH A (Việt Nam) số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000776 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị H